**2022 038 – SAGANO - SN**

**FIELDWORK INSTRUCTION**

**A – YÊU CẦU PVV PHẢI THÔNG BÁO CHO ĐÁP VIÊN VỀ QUY TRÌNH BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN & THÔNG TIN DỰ ÁN CỦA IPSOS**

**A1 – BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN**

- PVV có trách nhiệm thông báo cho đáp viên biết quy trình bảo mật thông tin đáp viên & thông tin dự án của IPSOS thông qua việc phải đọc đầy đủ lời giới thiệu trong phiếu sàng lọc.

- PVV không được phép sao chép, buôn bán hay tiết lộ bất kỳ thông tin cá nhân nào của đáp viên cho một bên khác. Thông tin cá nhân của đáp viên bao gồm: họ và tên của đáp viên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, tôn giáo, tình trạng sức khoẻ hay những thông tin khác liên quan đến bảo hiểm và các khoản tiền gửi ngân hàng của đáp viên, v.v.

- Trước khi tiến hành các điều kiện sàng lọc PVV có trách nhiệm xin phép cha/mẹ/người giám hộ của đáp viên cho phép đáp viên tham dự cuộc phỏng vấn **(áp dụng đối với các dự án đáp viên có độ tuổi từ 18 trở xuống)**.

**A2 – BẢO MẬT THÔNG TIN DỰ ÁN**

- Những nhân viên tham gia dự án phải có trách nhiệm bảo mật những thông tin sau:

a) Tên khách hàng

b) Nội dung BCH và showcard, showphoto

c) Hình ảnh bao bì

d) Tên nhãn hiệu

**B – CHI TIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN:**

**B1 – THÔNG TIN DỰ ÁN:**

1. **Tên dự án:** SAGANO - SN
2. **Mục tiêu dự án:** Đo lường các chỉ số về sức khỏe thương hiệu của các nhãn hiệu trong ngành hàng sữa nước/ sữa tươi. Thu thập thông tin, đánh giá của NTD về các chương trình/ chiến dịch quảng cáo của các nhãn hiệu trong ngành hàng này.
3. **Loại hình dự án:** F2F
4. **Phương pháp chọn mẫu:** Random sampling – CAPI iField
5. **Đối tượng:**

* Panel 1: Mẹ có con 1 – 9 tuổi
* Urban: Mẹ 25 – 45 tuổi, con uống sữa nước/ sữa tươi ít nhất 1 lần/ngày
* Rural: Mẹ 20 – 45 tuổi, con uống sữa nước/ sữa tươi ít nhất 4 lần/tuần
* Là người quyết định nhãn hiệu
* Panel 3: Nữ trẻ độc thân 15-24 tuổi uống sữa nước/ sữa tươi ít nhất 2 lần/tuần. Là người quyết định nhãn hiệu.

1. **Khu vực thực hiện:** Thành thị và nông thôn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Thành Thị** | | | | | **Nông thôn** | | | | |
| **HCM** | **Hà Nội** | **Đà Nẵng** | **Cần Thơ** | **Tổng** | **Nam Định** | **Thanh Hóa** | **An Giang** | **Đồng Nai** | **Tổng** |
| **Mẹ có con 1 - 9 tuổi** | 75 | 75 | 75 | 75 | 300 | 50 | 50 | 50 | 50 | 200 |
| **Nữ trẻ 15 - 24 tuổi** | 75 | 75 | 75 | 75 | 300 | 50 | 50 | 50 | 50 | 200 |
| **Tổng cộng** | **150** | **150** | **150** | **150** | **600** | **100** | **100** | **100** | **100** | **400** |

* Sampling theo file sampling đính kèm, nối đuôi sampling của wave trước.

1. **Cách đi sampling:** Random Sampling
2. **Quy tắc đi Sampling:**

* Nguyên tắc đếm nhà:
* Đếm căn nhà, nếu nhà có nhiều cửa nhưng chắc chắn của 1 căn nhà thì đếm là 1
* Cơ quan, chùa chiền, trường học, nhà hoang vẫn đếm, nhà kho (cấu trúc giống nhà thường), nhà đang xây vẫn đếm
* Đối với bài hẹn: PVV phải quay lại 3 lần vào 3 buổi khác nhau. Nếu sau cả 3 lần quay lại đều không gặp được, PVV mới được bỏ qua bài đó.

1. **Start Point:** Đi nối đuôi End Point của Intage (sẽ đính kèm file sampling của Intage).
2. **Quota:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **FIXED QUOTA** | | **HCM** | **Hà Nội** | **Đà Nẵng** | **Cần Thơ** | **Nam Định** | **Thanh Hóa** | **An Giang** | **Đồng Nai** |
| **Panel 1A** | Mẹ có con 1 - 5 tuổi | 38 | 37 | 38 | 37 | 25 | 25 | 25 | 25 |
| **Panel 1B** | Mẹ có con từ 6 – 9 tuổi | 37 | 38 | 37 | 38 | 25 | 25 | 25 | 25 |
| **Panel 3** | Nữ trẻ 15 - 24 tuổi | 75 | 75 | 75 | 75 | 50 | 50 | 50 | 50 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PANEL 1 SN** | | | **Urban** | | | | **Rural** | | | |
| **HCM** | **Hà Nội** | **Đà Nẵng** | **Cần Thơ** | **Nam Định** | **Thanh Hóa** | **An Giang** | **Đồng Nai** |
| **Panel** | | | **75** | **75** | **75** | **75** | **50** | **50** | **50** | **50** |
| **Panel 1A (fixed)** | | Mẹ có con 1 - 5 tuổi | **38** | **37** | **38** | **37** | **25** | **25** | **25** | **25** |
| **Panel 1B (fixed)** | | Mẹ có con từ 6 – 9 tuổi | **37** | **38** | **37** | **38** | **25** | **25** | **25** | **25** |
| **Giới tính bé** | **Panel 1A (+/-1)** | Nam | 20 | 20 | 20 | 19 | 13 | 13 | 13 | 13 |
| Nữ | 18 | 17 | 18 | 18 | 12 | 12 | 12 | 12 |
| **Panel 1B (+/-1)** | Nam | 19 | 20 | 19 | 20 | 13 | 13 | 13 | 13 |
| Nữ | 18 | 18 | 18 | 18 | 12 | 12 | 12 | 12 |
| **Tuổi bé** | **Panel 1A (+/-1)** | 1 - 3 tuổi | 22 | 21 | 22 | 21 | 15 | 15 | 14 | 15 |
| 4 - 5 tuổi | 16 | 16 | 16 | 16 | 10 | 10 | 11 | 10 |
| **Panel 1B (+/-1)** | 6 - 7 tuổi | 18 | 19 | 18 | 18 | 12 | 12 | 12 | 12 |
| 8 - 9 tuổi | 19 | 19 | 19 | 20 | 13 | 13 | 13 | 13 |
| **Class** | **Panel 1 (+/-1)** | Class F | 9 | 6 | 18 | 20 | 28 | 28 | 28 | 28 |
| Class E | 19 | 21 | 21 | 21 | 11 | 11 | 11 | 11 |
| Class D | 19 | 18 | 17 | 15 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| Class C | 11 | 15 | 10 | 7 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Class B | 9 | 8 | 5 | 8 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Class A | 8 | 7 | 4 | 4 | 1 | 1 | 1 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PANEL 3 SN** | | **Urban** | | | | **Rural** | | | |
| **HCM** | **Hà Nội** | **Đà Nẵng** | **Cần Thơ** | **Nam Định** | **Thanh Hóa** | **An Giang** | **Đồng Nai** |
| **Panel 3** | | **75** | **75** | **75** | **75** | **50** | **50** | **50** | **50** |
| **Nữ trẻ 15 - 24 tuổi (fixed)** | | **75** | **75** | **75** | **75** | **50** | **50** | **50** | **50** |
| **Tuổi (+/-1)** | 15 - 18 tuổi | 22 | 23 | 23 | 25 | 23 | 20 | 22 | 19 |
| 19 - 24 tuổi | 53 | 52 | 52 | 50 | 27 | 30 | 28 | 31 |
| **Class (+/-1)** | Class F | 9 | 6 | 18 | 20 | 28 | 28 | 28 | 28 |
| Class E | 19 | 21 | 21 | 21 | 11 | 11 | 11 | 11 |
| Class D | 19 | 18 | 17 | 15 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| Class C | 11 | 15 | 10 | 7 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Class B | 9 | 8 | 5 | 8 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Class A | 8 | 7 | 4 | 4 | 1 | 1 | 1 | 1 |

1. **Lưu ý:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **LƯU Ý** |
| 1 | File ghi âm | Check file ghi âm cần chính xác để đảm bảo chất lượng khi gửi file cho KH.  Mỗi khu vực 10 files. |
| 2 | Update file thông tin thị trường | Về nội dung:  Các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của mỗi nhãn hàng, ví dụ chương trình khuyến mãi là gì, thời gian diễn ra hay là tại khu vực sampling có chiếu TVC trên tivi ko, có thực hiện phát sản phẩm hay là đặt booth giới thiệu tại siêu thị,v.v......  Vậy nên, trong thời gian onfield ở mỗi khu vực, FW sup chủ động check thông tin thị trường ở tất cả các loại hình địa điểm bán (hoặc ít nhất phải check ở tạp hóa và siêu thị) và đồng thời note để các bạn PVV có thể ghi nhận và báo về giúp mình. Và sẽ có hình ảnh kèm theo cho các hoạt động ghi nhận. Nếu nhãn hiệu đó ko có hoạt động gì, ghi nhận “không có hoạt động ở tất cả các kênh” => Phải thực hiện trong quá trình onfield dự án, trước khi kết onfield 1 ngày cho mỗi cate Sup phải update & gửi cho CS. |

Timing:

|  |  |
| --- | --- |
| Task | Timing |
| CSG gửi BCH 90% | 18/5 |
| DP gửi link test | 23/5 |
| Final link & material | 31/5 |
| Internal Briefing | TBC |
| Pilot | TBC |
| On-field | 1/6 - 10/6 |
| QC | 13/6 |
| Clean | 14/6 |
| CE | 15/6 |
| Topline | 17/6 |
| OE | 20/6 |
| SPSS | 22/6 |

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày 31 Tháng 5 Năm 2022 |  |
| **Chữ ký xác nhận của Project Manager (CSG):**  **Diagram  Description automatically generated**  **Phạm Nguyễn Trường Sơn** | **Chữ ký xác nhận của Project Manager (FW):**  **…………..………………………………………………………..** |